

PHẨM: PHƯƠNG TIỆN (THANH TỊNH) (PHẦN 2)

Từ “ngài dùng phương tiện...” đến hết phần vào thất có tám phẩm rưỡi. Đây là phần lớn thứ hai nói về ngài Tịnh Danh phương tiện giả bệnh nói giáo để giúp Phật hoằng hóa khiến nhập bất tư nghị giải thoát, dẹp bỏ tội cấu để tiếp dẫn mọi người vào bốn cõi, lập thành hạnh cõi Phật thanh tịnh.

Giả bệnh có bốn ý:

1. Để giáo hóa các quốc vương và thần dân.
2. Phát khởi phẩm Đệ Tử.
3. Phát khởi phẩm Bồ-tát.
4. Phát khởi phẩm Thăm Bệnh.

Giáo hóa các quốc vương thần dân: Vì giả bệnh, các quốc vương và trưởng giả đều đến thăm hỏi, do thân bệnh nên mượn lời chê trách, nhân cơ hội đó khuyên răn, khiến họ sinh tâm chán và ưa mà đoạn bỏ các duyên tập và tu hành muôn hạnh, ấy là ca tụng việc nhập vào Giải thoát bất tư nghị, lập thành cái nhân sinh về Đồng cư hữu dư tịnh độ.

Phát khởi phẩm Đệ tử: nếu không thị hiện bệnh thì do đâu Phật sai đệ tử đến thăm hỏi. Nếu không sai thì họ đâu dám thuật lại việc chê trách ngày xưa. Do đó khiến hàng Nhị thừa cùng nghe việc ngày xưa vương Tiểu thừa mà bị chê trách. Có kẻ ưa và chấp Tiểu thừa khi nghe việc này thì tâm chấp bị vỡ tan mà ngưỡng mộ Đại thừa. Gần là vào thất nghe pháp bất tư nghị mà thành cái nguyên do sinh tô. Xa là Đại phẩm và Pháp Hoa ca tụng thành thực tô và đề hồ. Cũng là sinh cái lương duyên của cõi quả báo.

Phát khởi phẩm Bồ-tát: nếu không giả bệnh làm lý do sai đi thì Bồ-tát đâu dám thuật lại việc bị quở trách ngày xưa, mà khiến Bồ-tát của ba giáo dẹp bỏ cái vương động phương tiện, đồng thời bỏ đạo Viên đốn mà thành cái thẳng nhân cõi Phật thanh tịnh để nhập giải thoát bất tư nghị.

Phát khởi phẩm Thăm Bệnh: nếu không giả bệnh thì do đâu Phật sai Văn-thù vào thất luận đạo để khai phát tâm người, khiến các đệ tử tiếng tăm chấn động đại thiên tiến lên hạnh tam quán của các Bồ-tát mà nhập đạo giải thoát bất tư nghị, thành tựu nhân tịnh cõi Phật.

Bốn ý này đều do giả bệnh. Bệnh không thật có nên nói là phương tiện. Sức phương tiện gửi trong phần nói pháp đây chính là ích lợi của tiếng. Nay nói ngài Tịnh Danh giả bệnh nói giáo, ý có bốn đoạn văn kinh, phân ra làm hai đoạn lớn:

1. Từ đây trở đi đến phẩm Bồ-tát có hai phẩm rưỡi, là ở ngoài thất

nói pháp trình bày việc chê trách chiết phục.

2. Từ phẩm Thăm Bệnh trở đi có sáu phẩm, là ở trong thất, nói pháp trình bày việc tiếp dẫn nhiếp thọ tạo nhân duyên khiến chánh pháp lâu dài, tức là trụ bất tư nghị giải thoát.

Trong chiết phục có đầy đủ nhiếp thọ, trong nhiếp thọ cũng vậy. Nhưng nghĩa có chánh phục. Ở ngoài thất mà chiết phục, vẫn có ba phần:

1. Nửa phẩm này nói về chiết phục hữu vi duyên tập của nội giới “trong tam giới”.

2. Phẩm Đệ Tử là chiết phục vô vi duyên tập.

3. Phẩm Bồ-tát là chiết phục tự thể duyên tập của pháp giới.

Hỏi: Vô vi và tự thể đồng hay khác?

Đáp: Các thuyết nói không đồng, nay nói tên thể riêng khác là đồng hàng Nhị thừa mê tự thể mà khởi đấm trước vô vi, khi đã mê đấm vô vi nên nhận tên vô vi. Bồ-tát cũng mê tự thể mà khởi duyên tập vô vi, nhưng Bồ-tát quán phá vô vi, chỉ khi vô vi chưa dứt thì hoặc này mới bám vào thể nên riêng nhận tên tự thể. Như phàm phu mê chân mà khởi hữu vi duyên tập. Bạc Hữu học đoạn bỏ kiến, tư duy chưa hết thì cũng ở chân lý mà có tên là hữu sắc nhiễm, vô sắc nhiễm.

Hỏi: Bạc Hữu học chưa biết hữu vi thì tuy thấy chân nhưng cũng còn hoặc ấy, không xét định theo chân thì gọi là tự thể. Còn Bồ-tát chưa hết vô vi cũng được thấy chân sao lại riêng nhận tên là tự thể?

Đáp: Hàng Nhị thừa thấy chân thì đó chỉ là lý không, chẳng phải là pháp thân nên không được lập tên tự thể, còn Bồ-tát thấy chân thì đúng là pháp thân. Pháp thân thường còn nên được riêng lập tên là tự thể.

Bồ-tát duyên hoặc chưa hết nên cần phải chiết phục. Nửa phẩm này có bốn phần:

1. Phương tiện thị hiện có bệnh.

2. Các người thăm hỏi.

3. Nhân đó thuyết pháp cho.

4. Thời chúng được lợi.

Vì không bệnh mà thị hiện bệnh: đây là biểu thị pháp thân không có hoạn nạn hệ lụy của nhân quả thuộc hai thứ duyên tập, vì muốn tiếp độ người nên phương tiện hiện ra có hoạn nạn, hệ lụy nhân quả thuộc hai thứ duyên tập của phàm phu, Nhị thừa và tự thể Bồ-tát.

Hỏi: Sao biết được?

Đáp: Đoạn văn sau có nói: Bồ-tát bệnh là do khởi lòng đại bi, vì

chúng sinh bệnh nên mình cũng có bệnh. Nếu chúng sinh được không bệnh thì mình cũng không bệnh.

Hỏi: Ngài Tịnh Danh hiện tích ở cõi người thì có thể đồng phạm phu mà có bệnh, trong đồng với Bồ-tát có tự thể bệnh, đã không phải hàng Nhị thừa sao được đồng với họ mà có bệnh vô vi?

Đáp: Ngài Tịnh Danh trụ vào bất tư nghị đáng dùng thân Nhị thừa để độ sinh thì hiện đồng với bệnh thân ấy. Lại nữa, hiện bệnh Bồ-tát của Thông giáo thì cùng nghĩa bệnh với hàng Nhị thừa... Đến phẩm Thăm Bệnh sẽ phân biệt đầy đủ.

Từ “Dĩ kỳ” đến “vấn bệnh” là nói các người thăm Bệnh . Ngài Tịnh Danh được mọi người tôn kính đầy đủ như trước đã khen, đại chúng này đều nhờ ân, nay ngài có bệnh lẽ nào chẳng đến thăm hỏi. Thế nên cả vua quan dân đều đến thăm bệnh. Những người đến thăm đều là người quen biết hiện đời với ngài Tịnh Danh, nhưng ở quá khứ đã từng kết duyên bốn giáo. Khi cơ duyên đã đến nên khiến xảy ra việc thăm bệnh.

Phần ba: Từ “Kỳ vãng”... trở xuống là Nhân đó nói pháp . Nếu không hiện có bệnh thì không do đâu trách được các hào tộc. Giả sử những người đến không có việc bị trách cứ, song so với thân người bị trách thì mình cũng có bệnh. Cho nên nhân có bệnh mà nói rộng pháp, khiến họ chán thân này mà khuyên cầu thân Phật. Văn có ba phần: Một là, nêu chung việc nói pháp; hai là, chánh nói quán môn; ba là, khuyên cầu thân Phật.

Phần một, dễ hiểu. Hai thứ nói pháp, là đại ý Phật pháp tiếp đến là răn nên đoạn ác khuyên nên sinh thiện. Nhân đây mà thành được nghiệp Tịnh độ. Và nếu chỉ khuyên chán lia đoạn ác mà không khuyên cầu thân Phật là sợ ở thế gian đọa vào Nhị địa, nếu ở vào Nhị thừa thì kinh này và Đại phẩm đều tác thành cho bậc Căn bại. Nếu dựa vào Pháp Hoa và Niết-bàn thì đi lòng vòng ở Phật đạo. Nay quán môn này phần nhiều là ở Tạng Thông. Vì các thí dụ về thân cây chuối là tạng, còn thí dụ huyễn hóa là ở Thông.

Từ “các nhân giả trở xuống là phần hai chánh nói về quán môn. Có Sư nêu năm môn mà giải thích, có vị dùng năm phi thường mà giảng. Nay dùng hai môn mà nói nghĩa tóm tắt có năm thứ:

a. Căn cứ hai đạo kiến tư. Làm sao biết được? Trước nói về khổ... bốn hàng, là nói về kiến đạo. Kế nói về bất tịnh quán là xét theo tu đạo. Nên Đại luận giải thích mười tướng rằng: Ba thứ trước là kiến đạo, bốn thứ giữa là tu đạo, ba thứ sau là Vô học. Nay khuyến cầu quả Phật thì

không cần ba thứ sau.

b. Căn cứ hai thứ Niệm xứ: từ “khổ...” trở đi bốn hàng tức là tánh niệm xứ; nói bất tịnh quán là cộng niệm xứ.

c. Căn cứ hai hạnh, từ “khổ...” bốn hàng tức là tuệ hạnh; như nói về bất tịnh, tức là hành hạnh.

d. Nói về hai quán, từ “khổ...” bốn hàng tức là thật quán; như nói về bất tịnh tức là giải quán.

e. Nói về chánh trợ, từ “khổ...” bốn hàng tức là chánh đạo; nói bất tịnh... tức là trợ đạo.

Như thế các thứ hai môn rộng chỉ bày cho mọi người về giáo, giúp họ được lợi ích vui vẻ.

Nay Căn cứ hai môn này để thuyết pháp ý có nhiều lối nhưng tóm tắt có năm cách tu:

1. Khiến người nghe pháp chán lìa để tu cầu đạo Vô thượng, nếu duyên tập chưa đoạn hết thì lại đắm nhiễm Tịnh độ.

2. Nội giới đã đoạn hết thì sinh vào cõi Hữu dư.

3. Nếu nương vào Phật tuệ thì như Loa Kế đã thấy. Nên Phổ Hiền Quán nói rõ về lực sám hối thì tội chướng dần tiêu liền ở ngay thân này mà thấy được cõi nước tịnh diệu.

4. Nếu chứng chân vô sinh liền sinh về cõi quả báo.

5. Nếu trụ vào Giải thoát Bất tư nghị liền có thể thành tựu chúng sinh cõi Phật thanh tịnh. Chúng sinh khi duyên đã thuần thực, ngổi đạo tràng tùy nơi hóa sinh mà nhận lấy cõi Phật.

Giả bệnh nói hai thứ quán môn này làm lợi ích chúng sinh đã được biết đại ý.

Nay từ “kiến đạo khổ...” trở xuống bốn hàng. Trước hết nói về vô thường, tức có ba việc: Thân vô thường, do hòa trộn ba thứ mà có thân, thân chỉ là giả danh, vì ba thứ vô thường nên nói thân vô thường không có thân riêng. Như Đại tập nói: Khi Ca-la-la liền có ba thứ: Mạng sống, hơi ấm và thức. Thở hơi ra vào gọi là mạng sống; không hơi thúi rã mục gọi là hơi ấm “noãn”, và tâm ý ở đó thì gọi là thức. Hòa trộn ba thứ này gọi là Ca-la-la. Ba thứ sinh diệt tiếp nhau không dứt cho đến suy lão đều do nghiệp sai sử. Phàm phu không hiểu, khởi các phiền não, gây tạo các nghiệp. Không biết khi hơi thở dứt rồi thì ba thứ chia lìa, một đời luống qua hối tiếc không kịp. Nay ngài Tịnh Danh nói vô thường để phá cái chấp thường điên đảo. Bởi ba thứ tạo thành thân, khi hơi thở ra mà không trở lại thì thân như gạch đá, mạng sống nào giữ được. Khí ấm giữ sinh thân còn. Lửa từ duyên sinh thì từ duyên tan. Lửa mất thì

thân hôi thúi rã tan, đầu thể sống còn. Nghiệp bị vọng thức trói cột cho ngã là thường còn. Lại sợi dây trói cột bỗng đứt thì tâm liền thác sinh. Phải biết ba thứ đều vô thường. Nếu hay như thế thì ngộ vô thường thô, tức có thể bỏ duyên sự thô. Khi quán vô thường tế, nếu tâm ở tại định thấy lý vô thường, liền vào kiến đạo, gọi là Tu-đà-hoàn. Nếu Tỳ-đàm hữu môn thấy tế lý vô thường tức là kiến đạo. Nếu Thành Thật không môn, thì nhân quán tế vô thường tế mà nhập vào Không, mới là kiến đạo. Nay y cứ hữu môn khéo tu vô thường, phá chấp thân biên, liền vào kiến đạo, gọi là có, không... sáu mươi hai kiến và tất cả thấy biết đều là vô thường, tức có thể thấy lý mà đoạn dứt kiến hoặc. Nếu quán sâu vô thường thì đâu chỉ đoạn kiến mà cũng có thể đoạn tư hoặc. Nên Phật nói: Khéo tu vô thường tưởng, có khả năng đoạn được các nhiễm sắc và vô sắc. Không cưỡng ép tức là thành vô thường, nên nương vào ba thứ, giả gọi là thân. Nếu ba thứ này sinh diệt mạnh mẽ thì không có gì dời đổi được. Nếu hữu vi sinh diệt biến đổi thì nên biết ba thứ ấy thể yếu ớt không mạnh. Không có sức cũng giúp thành vô thường. Nếu thân giả gọi mà ba thứ có sức, liền có thể chống cự. Do hữu vi biến đổi sinh diệt, không có tự tại nên phải biết là Không sức. Không bền chắc, là thể của ba thứ, đều không có tánh nhất định. Nếu có tức là như kim cương đâu thể bị sinh diệt phá hoại. Vì ba thứ giả danh, không tự tại, nên bị sinh diệt phá hoại, nên biết là Không bền chắc. Như các La-hán muốn kiết tập pháp tạng trước nói kệ rằng: “Vô thường kim cương đến, phá tan núi Thánh chúa.” Pháp mau rã mục, tức ba thứ giả danh chuyển đổi, thể gây yếu sinh diệt nhanh chóng, nên biết thân này là thứ nhanh chóng rã mục. “Không thể tin” là câu kết phá chấp. Thân do ba thứ này nếu thường còn, mạnh mẽ có sức bền chắc không rã mục... thì có thể cho là thường còn. Nếu nghiệp hết không hẹn cùng người, hơi thở ra không chắc có hít vào, niệm trước không chắc có niệm sau, hiện thấy người đời bỗng mất đi mà không tự biết, sao cho là thường còn. Do tin điều này mà vọng tình tự phát triển tạo ác mà không tu đạo là từ “bị khổ”... đến “không nhờ cậy” căn cứ ở khổ môn mà nói pháp .

Bị khổ, là do vô thường nên khổ. Bởi ba thứ thành thân bị vô thường bức ép. Lại bị ba khổ, bốn khổ, tám khổ làm khổ nên khổ càng nhiều. Bị não, tức giả thân ba thứ thường bị chín não và các khổ cảnh ép ngặt, nên khổ bên trong là khổ, khổ ngoại đạo là não. Lại nữa, khổ đầu tiên là khổ, khổ lặp lại nhiều lần là não. Các bệnh tụ tập, giả thân ba thứ thì hơi thở và hơi ấm là sắc, sắc pháp bốn đại có bốn trăm lẻ bốn bệnh tụ tập nơi thân này. Tâm có bốn phần bệnh phiền não sinh ra tám

vạn bốn ngàn. Bệnh sắc tâm này tụ tập ở giả thân nên nói các bệnh tụ tập. Lại nữa, bị khổ là hành khổ. Vô thường hành khổ không mau chậm, không nặng nhẹ nên nói là khổ. Bị não là hoại khổ, trái duyên phá hoại niềm vui nên nói là não. Các bệnh là khổ khổ. Thân là bốn khổ, lại thêm các bệnh nên gọi là khổ khổ.

Hỏi: Khổ chung có bốn, khổ riêng cũng bốn. Khổ riêng thì khổ hơn khổ chung, bốn thứ đều là khổ khổ, vì sao chỉ nói bệnh là khổ khổ?

Đáp: Sinh khổ đã qua, tử khổ chưa đến, lão khổ thì yếu ớt chậm chạp, nên căn cứ bệnh khổ mà nói là khổ khổ. Lại giải thích: Ngài Tịnh Danh giả bệnh nên ước vào bệnh là khổ khổ.

Nói người trí không chỗ nhờ cậy là kết thành nghĩa khổ, xét để quán sát, thấy khổ rõ ràng không chút tạm vui, nên gọi là trí. Nếu thân giả ba thứ thường bị ba khổ làm khổ, không có một lúc nào vui thì sao nhờ cậy được. Nên kinh Thụy Ứng nói: Thánh nhân thường coi thân là hoạn nạn, mà kẻ ngu thì bảo vệ nó đến chết vẫn không chán bỏ.

Từ “Thị thân” đến “bất trụ”, đây là thí dụ mười hành không. Nay có hai giải thích:

1. Giải chung riêng.
2. Giải chung theo tướng chung.

* Giải riêng, trước hết là thí dụ riêng về năm ấm, sau đó là thí dụ chung về năm ấm, sao biết? Kinh luận đã nói thật điều ấy. Quán sắc như nhóm bọt nước, quán thọ như bong bóng nước, quán tưởng như hơi nóng, quán hành như cây chuối, quán thức như huyễn hóa, năm thứ sau không có văn dụ riêng. Nên biết là lấy thí dụ chung cho thân là trống không.

Hỏi: Thí dụ riêng năm ấm là thuộc giáo nào? Nếu Tam tạng giáo thì không dùng dụ hơi nóng, huyễn hóa; nếu Thông giáo thì không dùng dụ bọt nước, bóng nước, cây chuối...

Đáp: Phương Đẳng bốn giáo dùng xen chung thí dụ không nên nghi ngờ. Như Đại luận nói: Trong kinh Thanh văn hoặc vì lợi người mà dùng dụ như huyễn... theo phần đông mà luận, mỗi phái đều có tông đồ. Đại phẩm có đoạn chỉ hai giáo trước nói năm ấm, sáu thí dụ, mười thí dụ là thí dụ chung về năm ấm cho đến Nhất thiết chủng trí.

Hỏi: Mười thí dụ chung riêng đều thí dụ cho năm ấm là Không, vì sao trước sau vẫn lập thân giả danh với ba thứ mà không hợp với năm ấm?

Đáp: Đây cũng đâu có sao. Vì có lúc Phật dùng hai pháp danh sắc mà lập thân, hoặc dùng ba thứ như nay đã dùng, hoặc dùng năm thứ tức

là năm ấm, hoặc nói sáu thứ tức là lục nhập, đều rút từ kinh luận, phân ra, hợp lại, tùy duyên ứng cơ đều hợp lý không lỗi. Nay dùng ba thứ thì tiện cho quán môn.

* Kế nói tướng chung mà giải thích mười thí dụ đều dụ cho thân là Không. Các kinh khác tuy dùng năm dụ trước dụ cho năm ấm, kinh này có mười dụ đều nói về thân, không lấy riêng năm thứ để dụ cho năm ấm nên không đồng trước. Nay nói chung thì mười dụ này phần nhiều là dụ cho thân không mà cũng dụ cho pháp Không. Mười dụ này, năm thứ của Tam tạng giáo, năm thứ của Thông giáo. Phẩm này là căn cứ theo Tạng Thông quán môn. Về năm dụ của Tam tạng giáo là bọt nước, bong bóng nước, cây chuối, mây, điện chớp; năm thứ của Thông giáo là hơi nóng, huyễn hóa, mộng, bóng, tiếng vang...

Hỏi: Vì sao biết được?

Đáp: Đại Luận có nêu lên, trước đã nói đầy đủ.

Hỏi: Bọt nước... so với hơi nóng... có gì khác?

Đáp: Bọt nước... có sắc chất, nhưng chỉ là hư giả, phân tách thì dễ thấy không, Do người không biết sắc thân là Không nên dùng các dụ này. Còn hơi nóng... giống Như có thật nhưng không có thể chất. Dùng các thứ không thể chất này dụ cho những sắc có chất thô tế để biết các pháp đều không.

Hỏi: Các pháp đều không sao được lấy các thứ không để dụ cho không?

Đáp: Đại Luận nói rằng: Dùng “không” dễ hiểu, để thí dụ cho “không” khó hiểu không, nên căn cứ sáu dụ, mười dụ để dụ cho pháp Không.

Hỏi: Bọt nước... là dụ chung cho ba thừa sao không phải là Đại thừa. Còn hơi nóng... cũng là ba thừa, vì sao riêng gọi là dụ của Thông giáo?

Đáp: Hơi nóng... Không phải chỉ là dụ chung của ba thừa mà cũng là dụ của Biệt Viên, nên kinh Đại thừa đã dùng. Luận Nhiếp Đại thừa nói: Nương A-lê-gia nói tám dụ như huyễn... Còn dụ nhóm bọt nước không phải thế, đâu được cùng loại. Nay giải thích mười dụ để dụ cho sinh không và pháp Không. Nếu Tam tạng giáo nhiều dụ cho nhân không, ít dụ cho pháp Không, nhưng hai giáo thì dùng chung nhau không phân loại bộ, đây chính là tùy cơ mà ứng duyên. Thân này như nhóm bọt nước không thể nắm lấy, cọ xát. Dòng nước vỗ mạnh tạo nên nhóm bọt nước, mới nhìn dường có nắm lấy liền không, thân này cũng thế. Do vô minh, hành, thức gá nương trên các ấm, người mê thì cho là có, kể trí

quán kỹ thấy nó không thật nhất định như nắm bọt nước thì khi không có bọt mà chỉ là nước thôi. Dụ này chỉ cho nhân không, ý rất rõ ràng nhưng đối với pháp Không thì chưa sáng tỏ. Như bong bóng nước là do nước trên chảy nhiều xuống nước dưới. Nước trên là nhân, nước dưới là duyên mà có bong bóng nước nổi lên. Khi lấy thì không được, hoặc chạm vào thì tan mất, mới nhìn thấy khác nước, xét kỹ biết lia nước không có được. Thân này cũng vậy, nghiệp xưa làm nhân, cha mẹ là duyên mà có thân bóng nước, dần dần lớn lên, duyên hết thì mất, hoặc do người khác giết chết. Kể vô trí bảo là có, nếu quán xét kỹ về ba thứ thì thân không không, có thân riêng. Như về hơi nóng, là do ánh sáng mặt trời chiếu nơi đồng trống, gió thổi khiến hơi nóng bốc lên, bốc mãi người ngu tưởng có nước, nhưng tìm kiếm kỹ thì hơi nóng và nước đều không có, thân này cũng thế. Do ánh sáng tâm trí, nghiệp gió khuấy trộn ba thứ mãi không dứt. Người nhiễm ái cho đó là thân. Người trí tuệ thấu đạt thì thấy không phải chỉ thân không mà cả ba thứ cũng không có, cho nên nói như hơi nóng “”, đó là dụ dùng cho sinh pháp đều không, không giống dụ bọt nước của Tam tạng giáo. Còn như cây chuối chắc chắn kia, từ khi mới sinh thân bẹ lá thì tất cả đều thấy không thật, thân này cũng thế. Khi Ca-la-la đến với giả thân ba thứ thì da thịt xương tủy mỗi thứ đều có chín mươi chín lớp, kiểm xét từng thứ thì đều trống không chẳng có gì. Như thở ra hít vào cả trăm ngàn lần, nhưng mỗi mỗi hơi thở trong thân đều không có. Các sát-na tâm thức thứ lớp sinh diệt, mỗi mỗi sát-na thì thân không thể được, lia ba thứ thì không có thân riêng. Cho nên biết thân tướng trong ngoài đều không cũng như cây chuối. Thân này như huyền hóa, do điên đảo khởi lên. Cũng như ảo thuật hóa làm ngựa, thỏ, người ngoài nhìn thấy cho là có thật. Nhà ảo thuật vô minh, dùng các pháp hành ảo ảo hóa ra ba thứ, thấy thân chấp tướng cho là thật có, nếu biết vô minh không khởi các pháp hành ảo cho đến ba thứ thì chỉ là ảo hóa không có. Thân này như giấc mộng, do hư vọng mà thấy, thấy hư dối. Vì giấc ngủ nó che tâm, thân nằm đó mà thấy dạo chơi nói năng là có thật. Khi thức dậy mới biết là mộng. Bị vô minh che tâm là nằm, vọng khởi các hành giá thai ba thứ cho đến già chết, như mộng thấy thân đến khắp mọi nơi. Quán tâm được giác ngộ liền biết là hư dối. Thân và ba thứ trống không chẳng có gì nên nói như mộng. Thân này như bóng, từ nghiệp duyên hiện ra. Vật che ánh sáng ắt có bóng hiện ra, vật khác thì bóng khác, vật cử động bóng cử động. Vô minh, hành, nghiệp ngăn cản ánh sáng lý trí, ắt có ảnh là báo thân ba thứ hiện ra, nghiệp khác thì báo khác, từ sinh ra đến chết lưu động mãi không phải một. Nếu biết vô

minh, hành, nghiệp vốn không có, thì báo thân ba thứ đều rất ráo không cũng như bóng vậy. Thân này như tiếng vang thuộc các nhân duyên. Tiếng vang là do hai vật gõ vào nhau thành tiếng và trong hang trống có tiếng vang lên. Thân cũng như thế. Vô minh ở trong loạn động như vật gõ vào nhau, nghiệp hành như tiếng, bụng mẹ, và ba thứ như hang trống, ba thứ hòa hợp mà thành thân giả danh. Thuộc các nhân duyên, là vô minh, hành làm nhân, bụng mẹ hang trống làm duyên. Do nhân duyên mà sinh ra không có mình, người... Nên nói là vô sinh, sinh tức như tiếng vang. Lại như môi, lưỡi, răng, lợi, yết hầu... gió báo thổi lên chạm vào bảy chỗ của thân nên có tiếng phát ra. Tiếng thuộc các duyên nên cũng không thể có. Thân cũng như thế nên nói như tiếng vang.

Hỏi: Nhiếp Đại thừa có nói: Tám dụ đều có đối tượng để thí dụ. Nay kinh này năm dụ sao chỉ dùng dụ cho thân?

Đáp: Nay nói Thông, Biệt đồng khác ý chính là ở đây vậy. Như Thông, Viên hai giáo thì năm dụ, sáu dụ, tám dụ, mười dụ đều có thể dụ chung cho nhau. Như Đại Phẩm nói: Sắc cho đến Nhất thiết chủng trí đều như huyễn hóa. Kinh này cũng là chung, tám dụ riêng là ý của Biệt giáo. Như dùng bốn đức đối với bốn thứ Tam-muội mà phá bốn loại người. Nếu lấy nghĩa Viên giáo mà khảo hạch thì không thể hiểu.

Thân này như mây nổi, phút chốc biến mất. Mây từ rồng làm ra, cũng do khí âm dương biến hiện làm khác màu sắc. Ở xa thấy có, ở gần thì không. Do rồng vô minh, hành và khí cha mẹ hợp nhau mà có thân giả danh. Các việc làm từ sống đến chết, người ngu ở xa trông thấy thì có thân tướng, người trí ở gần quán sát thấy thân không có. Phút chốc biến mất, tức Tam tạng giáo phân tách vô thường mà vào Không. Thân này như điện chớp, các niệm không trụ. Nghĩa điện chớp chưa rõ ràng. Chỉ có vô minh, hành, thân ba thứ, ánh sáng niệm niệm vô thường như ánh điện chớp tắt nhanh. Ý dụ vô thường này dần sáng tỏ.

“Thị thân đến sở chuyển”, tám lần nói về vô ngã, căn cứ sáu pháp kiểm xét phá ngã... mười sáu tri kiến. Năm lần nói về bốn đại chủng, một lần sau y cứ Không chủng, hai lần tiếp căn cứ thức chủng.

Hỏi: Vô ngã và “không” có gì khác nhau?

Đáp: Có bốn trường hợp không nhất định:

1. Chúng sinh gọi không, ám gọi vô ngã, tức bên trong lìa bỏ nhân người nên nói là Không. Pháp Không tự tại nên nói là vô ngã.

2. Ám gọi là Không, chúng sinh gọi vô ngã. Vì ám chỉ là pháp nên gọi là Không. Chúng sinh là nhân người nên gọi vô ngã.

3. Đều gọi là Không, cũng như hai không.

4. Điều gọi là vô ngã như ba thứ vô ngã. Kinh này trước nói không môn, phần nhiều là hai không, nay nói vô ngã là căn cứ pháp vô ngã.

Hỏi: Trên nói hành không chính là hai giáo vào Không, nay hành vô ngã cũng là hai chẳng?

Đáp: Văn tuy là một cũng được giải thích là hai, bởi sao? như nói vô chủ tức là như đất. Nếu phân biệt phá đất thì được vô chủ là vô ngã của Tam tạng giáo. Nếu thể nhập pháp tánh, ngã tánh đều như, ngã và các pháp đều rớt ráo không có, tức là vô ngã của Thông giáo. Năm lần trước có hai:

1. Kiểm xét riêng.

2. Kiểm xét chung.

Về kiểm xét riêng có bốn: Thân này vô chủ là như đất. Nay có hai giải thích:

1. Phá ngoại đạo.

2. Căn cứ nội quán.

Nếu phá ngoại đạo, ngoại đạo nói nếu không có thần ngã thì sao có thể gánh vác? Phá rằng đất có thể mang núi, thì có thần ngã ư!

Kế đến nội quán, như Tỳ-đàm nói: chúng sinh là giả danh, đất là thật pháp. Thành Thật Luận lại nói: Đất là giả danh, bốn vi là thật. Nay nói tuy là giả mà khác nhau về thật. Từ “đồng là khổ trở xuống là nói thuộc quán vô ngã. Như bốn vi của đất, một vi là chủ thì ba vi kia cũng là chủ, nếu một thứ không phải thì ba thứ kia cũng không phải, nên biết vô chủ. Ngoại đạo đất không có, bên trong đất cho bốn vi của thành cũng đều vô chủ, nếu trong ngoài đều vô chủ thì thân của ba thứ sao có ngã được. Nên nói thân này vô chủ là như đất.

Lại Thỉnh Quan Âm có nói: Đất mà không có tánh bền chắc nếu đất có tánh bền chắc làm tánh tự tha thì chung là tánh vô nhân. Trong bốn thứ tùy theo chấp là kiến chấp có. Nếu cho đó là sự thật, còn các thứ khác là nói dối thì thật tức là nghĩa bền chắc. Nếu tánh ấy chủ. Ấy kiểm xét không được thì nên biết đó là Không. Cho đến “chẳng phải có, chẳng phải Không”. Nếu ở bốn trường hợp “tứ cú” này mà có chấp chặt gì tức là tánh thật thì tức là. Kinh Kim Cang nói: Nếu tâm chấp tướng hoặc chấp phi tướng thì đều đắm trước vào ngã nhân. Không chấp bốn trường hợp này là quán vậy. Vì vô chủ vô ngã nên nói thân này vô chủ như đất. Thân này vô ngã là như lửa, tức ngoại đạo nói là có thần ngã. Vì sao biết? Vì thân hay chạy nhảy và phát ra âm thanh nên biết là có ngã. Phá rằng: căn cứ một pháp lửa, mà phá cả hai chấp. Vì sao? Vì lửa đốt cháy cỏ đồng hoang và cả mọi vật, khi đốt cháy gỗ trúc thì cũng

luôn phát ra tiếng, vậy cũng có ngã ư?

Về nội quán: lửa do hai vi thành thì không có tánh nhất định, danh sắc thành thân cũng không có tánh nhất định. Nếu không có tánh nhất định tức là vô ngã. Lại nữa, chất ấm trong thân tức là lửa. Nếu lửa ngoại đạo là vô ngã thì lửa bên trong cũng vô ngã. Thỉnh Quan Âm có nói: Lửa từ duyên mà có. Do duyên sinh thì không có tự tánh, tức là vô ngã. Bốn câu phá tánh suy theo đất mà biết.

Thân này không thọ vì là như gió. Ngoại đạo nói có sống lâu. Vì sao? Nếu không thọ thì đâu có thở liên tục? Phá rằng: Thở ra hít vào là tướng của gió. Gió ngoại đạo không thọ thì gió bên trong cũng không.

Về nội quán, tướng gió chạm nhau nên nhẹ nhàng trống rỗng tự tại như đi trên không trung không ngăn ngại thì làm sao có thọ mạng. Kinh Đại Tập nói: Hơi thở ra vào gọi là thọ mạng. Quán đây mà thở ra hít vào, hít vào thì không tích tụ, thở ra thì không phân tán. Tới không bước đi không đỡ chân, như gió trên không trung tìm không thấy. Gió đã không phải là thọ thì hơi thở cũng không phải. Thỉnh Quan Âm nói: Tánh gió vô ngại. Bốn câu quán về gió y cứ theo trước mà biết.

Thân này không có người vì như nước. Ngoại đạo nói có thần nên có người. Vì sao? Nếu thân không có thần sao có thể thấm ướt cong vẹo tùy tình ý mọi người. Phá rằng: nước có thể thấm xuống nhưng tùy đồ đựng vuông tròn. Nếu nước không có người, không thần thì ông cũng thế. Về nội quán nước do ba vi tạo thành thì không có tánh nhất định. Không có tánh tức là Không có nước thì ba việc thành thân, là Không có tánh nhất định. Không có tánh tức không có người cho nên nói thân này không có người vì như nước. Như trong nước thấy bóng thì nói là có người, vào nước tìm người thì cuối cùng không có, thấy thân ba thứ gọi thân là người, nhưng quán sâu ba thứ thì không thấy thân tướng tức không có người. Thỉnh Quan Âm nói: Tánh nước không dừng trụ, nhưng chướng ngại ở ao vuông tròn, tức là dừng ở tánh không phải tánh dừng. Người cũng thế. tùy pháp mà được tên, người không có tánh nhất định. Bốn câu kiểm xét về nưạ theo như đất mà biết.

Thân này không thật, bốn đại là nhà. Đây là xét theo chung về bốn đại mà nói hành vô ngã. Ngoại đạo nói nếu vô ngã, là hiện thấy sáu tình nương trụ vào thân, nên biết là có ngã. Phá rằng hiện thấy sáu tình nương vào bốn đại mà trụ, không có ngã nào để nương. Về nội quán thì thân gọi là một, một thân không thể trụ ở bốn chỗ. Về ngã trụ vào một đại thì ba đại kia lẽ ra không có thân, nếu mỗi đại đều có, tức có bốn thân. Hoặc tức là thân hoặc lìa thân bốn trường hợp kiểm xét thân đều

không có, nên nói là Không thật. Nếu không có thân tức là thân kiến bị phá. Thân kiến bị phá tức là ngã kiến mười sáu tri kiến đều tan rã.

Thân này là Không, lia bỏ ngã, ngã sở, hai là ước không chừng để phá ngã. Ngoại đạo nói: Nếu không có thân ngã sao lại thật có quốc độ người vật? Ngã sở nếu thật nên biết ngã là thật. Phá rằng: nếu thế, ngã sở đã không thì ngã cũng phải Không. Như thân chừng trong thân cho đến Không ở ngoài không ở ngoài là ngã sở; Ngã sở đã không nên ngã cũng Không. Về nội quán, chánh căn cứ theo Không chừng mà phá kiến. Bốn đại tạo sắc vầy chặt hư không nên giả gọi là thân, lia không thì không có thân. Nếu trong ngoài đều không, Không không thể có, thì thân kiến bị phá. Thân kiến bị phá tức lia ngã và ngã sở.

Thân này vô tri như cỏ cây gạch đá, là y cứ ở Thức chừng mà phá ngã. Ngoại đạo nói rằng: Nếu trong thân không ngã thì sao biết được bốn thời? Phá rằng: Như cỏ cây gạch đá cũng do âm dương theo thời chuyển biến, dường Như có cái biết “thức) mà không phải thần biết. Nay thân tuy có biết mà biết không có tự tánh, như cỏ cây gạch đá. Lại ngoại đạo nói: trong thân có thần, thần khiến biết mới biết. Phá rằng: Nếu thần khiến biết mới biết thì ai khiến. Thần bèn không khiến, đâu cần thần khiến. Nếu không có thần khiến tức là Không người biết. Nếu không người biết thì như cỏ cây gạch đá.

Về nội quán tức căn cứ theo thức chừng. Vì sao? Vì ba thứ thành thân thì mạng sống và hơi ấm không biết, chỉ có thức là biết. Nếu bảo thức biết mà ở quá khứ thức mất. Mất nên không biết. Thức ở hiện tại không trụ, cũng không thể biết. Và vị lai chưa có, đâu được có biết. Ba đời tìm thức không thể có biết. Nếu lia bỏ ba đời thì không riêng có biết. Nên nói thân này không biết như cỏ cây gạch đá.

Thân này không phải thần làm chỉ do sức gió chuyển. Đây là căn cứ về gió động để giúp thành việc phá thức. Ngoại đạo nói: Trong thân có ngã nên có tạo tác chuyển động. Phá rằng: Đây không phải thần làm mà do sức gió chuyển. Nói về nội quán là: Vọng niệm tâm động, trong thân nương vào gió mà có tạo tác. Nên trong Đại Tập có nói: Do gió mà có thể lên, do gió mà có thể xuống. Nếu tâm nghĩ lên thì tùy tâm mà khởi lên, nếu tâm nghĩ xuống thì tùy tâm kéo xuống. Vận hành tạo tác đều do gió tùy tâm mà làm tất cả việc. Nếu đường gió không thông, thì tay chân chẳng theo ý muốn, tâm tuy có nghĩ nhưng cử động không theo. Cũng như các thứ máy móc làm việc, khi sợi dây điều khiển “giây thiều) bị đứt thì không làm việc được nữa. Do đó biết đều là nương ở gió mà có tạo tác. Nay quán nương vào gió, không phải do mình hay cái

khác... sinh ra tức là Không vậy. Nay quán ba thứ thành thân trọn không thể được, vậy do cái gì làm việc.

Thân này bất tịnh, là thứ hai nói bất tịnh quán để phá tư duy của Dục giới. Nếu nối tiếp theo trước tức là tu đạo cộng niệm xứ mà được giải, quán hạnh hành trợ đạo. Cho nên đây không nhất định phải đối hưởng theo trước mà nói tức là kiến đạo phương tiện. Nay đã kiến đạo rồi mới nói, nên căn cứ tu đạo... Bồ-tát nếu vào kiến đạo muốn tiến tu bất tịnh để phá ái. Đối trị các thiền, trước hết phải dùng bốn thứ này để phá kiết cội Dục. Nếu đoạn được sáu phẩm tức là quả Tư-đà-hàm, hoặc trí hoặc đoạn là Bồ-tát vô sinh. Nếu dứt được chín phẩm tức là quả A-na-hàm, trí hay đoạn là Bồ-tát vô sinh.

Nay bất tịnh quán căn cứ đối bốn tướng: Đọc qua kinh văn sẽ thấy rõ bốn ý này. Nói bốn tướng là:

1. Tướng thân bất tịnh.
2. Tướng ăn bất tịnh.
3. Tướng thể gian không đáng ham.
4. Tướng về chết.

Thân này bất tịnh tức tướng thân bất tịnh.

Tuy giả dùng y thực, tức tướng ăn bất tịnh.

Thân này là tai họa, tức tướng thể gian không đáng ham.

Thân này vô định tức là tướng chết.

Kế đến dụ rắn độc... là dụ chung về bốn tướng. Tướng thứ lớp dựa theo đây mà nói bốn khổ là thân này bất tịnh cho đến giả dùng y thực, tức là sinh khổ. Kế nói một trăm lẻ một loại bệnh quấy não tức là bệnh khổ, kế nói gò, giếng... tức là lão khổ. Rồi nói tông chỉ phải chết tức là tử khổ. Kế nói rắn độc... cũng là dụ chung về bốn khổ. Nhưng bốn khổ này có hai: Nói tức sinh, tức lão, tức bệnh, tức tử là căn cứ theo lý, đây thuộc tuệ hành đã giải thích đủ ở trước. Còn căn cứ theo sự thì bốn khổ tức là hành hành. Đây là bốn khổ về sự là thân bất tịnh như nhớp đầy dẫy, tức năm thứ bất tịnh hoặc nhân tùy vào hơi thở mà thấy thì thứ bất tịnh này tột nhất. Nhân quán hơi thở mà thấy tức là nói chung. Nhân tướng giả có mà thấy tức là chín tướng bội xả.... Nói sinh khổ, tức năm thứ bất tịnh, trừ cứu cánh còn lại đều là sinh khổ.

Thân này bị tiêu mòn, hủy diệt là tướng ăn bất tịnh vì ăn vào bụng liền thành phân như và các lỗ chân lông luôn tiết ra chất bất tịnh. Tuy có tắm rửa nhưng dơ bản lại tiếp tục sinh, tuy ăn ngon mặc đẹp trang điểm kỹ lưỡng nhưng phút chốc thì hơi hám dơ dáy, thân và y phục ắt bị tiêu ma hủy diệt. Thức ăn bất tịnh hợp cùng đàm dãi như chất nôn ói,

cho đến ba mươi sáu vật đều từ thức ăn. Khởi tướng này phá diệt tham ăn.

Nói sinh khổ là sinh ra liền có. Thân này rất bị ép ngặt, tức là hai thứ khổ già, bệnh, vì chúng sinh năm ấm thế gian mà có khổ này, nên thuộc về tướng thế gian không đáng ưa. Chỉ vì không đáng ưa chánh báo nên y báo cõi nước đều không đáng ham thích. Các thứ bệnh khổ từ thân khởi lên, nên biết thân là chỗ tai họa. Một trăm lẻ một thứ bệnh quấy não; một đại không điều hòa thì khởi lên một trăm lẻ một bệnh, bốn đại không điều hòa thì bốn trăm lẻ bốn bệnh từ thân mà phát ra, các bệnh khổ đều quấy não thân, nên thân là tai họa. Bốn khổ trong văn nói tức sự bệnh khổ, thân này như gò giếng là bị già khụ nó ép ngặt. Bốn tướng còn thuộc chúng sinh năm ấm bị khổ bức ngặt nên không đáng ham thích. Nếu dựa vào bốn khổ thì đó là lão khổ. Ngài La-thập nói gò, giếng thì đó là giếng rã mục, tức không còn dùng được nữa. Thân này không cố định ắt phải chết, tức là tướng tử, trong bốn khổ đây là tử khổ. Ba thứ thành thân do nghiệp duy trì, nhân duyên giả hợp nên dễ duyên tan thì thân mất, hoặc do cái khác hại chết, ở trong núi dưới biển, trên không ngoài chợ đều không tránh khỏi, cho nên ắt đều phải chết. Như Phật hỏi các Tỳ-kheo. Các sư tu tướng tư như thế nào? Có Tỳ-kheo thưa: Mạng sống không quá bảy ngày, có người nói sáu ngày, cho đến một ngày, nửa ngày. Phật nói đều là kẻ lừa tu tướng tư. Có người thưa thở ra mà không chắc hít vào. Phật nói tốt, đúng thay đó là người thật tu tướng tử. Nếu luôn tướng tư như thế thì không bao lâu sẽ được giải thoát Niết-bàn.

Từ “Thân này”... đến “hợp thành”, kể là dụ chung về bốn tướng như rắn độc ở trên không hợp cùng giặc cướp rất hiện ra sợ, tức bốn tướng dần sáng tỏ. Nếu căn cứ theo bốn khổ thì đó là dụ chung. Thân này có bốn khổ như rắn độc giặc cướp... là tướng không đáng ham thích. Trong Đại kinh nói đầy đủ, kinh này chỉ nêu tóm tắt: Như rắn độc, tức như bốn con rắn độc lớn cùng nhốt trong một hộp luôn cắn mổ nhau. Bốn đại cũng thế. Lại như rắn độc người thường nuôi dưỡng nhưng khi giận thì liền cắn người không biết ân nuôi dưỡng. Bốn đại của thân cũng thế. Hành giả nuôi dưỡng cần nên báo ân, nhưng một đại nếu gây trái hại con người, thì khiến người phải đọa lạc biển khổ, khó có ngày ra khỏi. Như giặc cướp: Vì lấy tiền của và gây thương tích, giết chết mạng người, năm ấm cũng thế, ở trong thân người cướp lấy tiền của thiện và giết chết tuệ mạng của người. Như ở trên không, ở trên không, không có vật, không sinh nhân ái. Tức quán sáu căn trống không, không có

vị thần ngã, không nên đắm nhiễm. Lại như ở trên không, là Không có dân cư chỉ có quỷ mị trên đó. Quán sáu căn nhóm họp không phải chỉ là vô ngã, mà còn có quỷ mị phiền não tụ tập trên ấy. Ấm là năm ấm, giới là mười tám giới, nhập là mười hai nhập. Các Ấm giới nhập thể của chúng vốn không thực, sao được có ngã Quán về lý của ấm ... tức là tuệ hành, quán rộng về sự thì khởi các thứ hành.

Từ “các Nhân giả” trở xuống là phần ba khuyên cầu thân Phật. Gồm có ba phần nhỏ:

- Một là Nêu chương.
- Hai là Chánh khuyên.
- Ba là Kết khuyên.

1/ Nêu chương: Phàm phu thương yêu thân mà trầm luân trong sinh tử. Trên đã nói rộng về quán môn mà trách cứ, khi chán lia rồi thì cầu Nhị thừa, đoạn diệt Phật chủng, cho nên khuyên phải nên ham thích thân Phật.

Hỏi: Nay đây khuyên cầu thân Phật theo giáo nào?

Đáp: Khó thể quyết định, hoặc là phương tiện của hai giáo hoặc là Phật thân thường trụ. Vì sao biết? Vì quả vốn đáp ứng với nhân, đã nói phương tiện lại khuyên cầu trụ Phật ấy tức là quả hữu dư. Hoặc là khuyên cầu quả thường trụ, tức các người đã chán thân là vô thường là nhóm khổ, nên cần khuyên cầu thường lạc Niết-bàn, há lại khuyên cầu thọ vương tro đoạn. Cho nên ở đoạn văn dưới nói: “Thân Như Lai từ chân thật sinh ra”.

Hỏi: Khuyên cầu quả thường trụ vì sao lại nói môn Phương tiện ?

Đáp: Như trong Đại kinh, Phật đáp lời Phạm chí rằng: Pháp của người có nhân thường mà quả vô thường, vì sao pháp ta không được nhân vô thường mà có quả là thường ư? Chỉ có đám hào tộc sĩ thứ là phàm phu cụ phước, nếu trước không dùng nhân quán môn phương tiện để đoạn hoặc vào Không, thì sao có thể vào Giả. Dù bậc Du hý thần thông cũng không thể vào Không giả nhất tâm khai Phật tri kiến. Cho nên kinh Pháp Hoa có nói: “Vì các chúng sinh ấy chưa khỏi sinh, lão, bệnh, tử thì do đâu có thể hiểu được trí tuệ Phật”.

Hỏi: Định dùng cách nào mà phán quyết?

Đáp: Phương đẳng Đại thừa một âm diễn nói đâu ngại khuyên chung. Tùy cơ cảm mà được không thể phán định. Lại xét theo các vị thì chỗ cảm không đồng, nay bốn nhân Phương đẳng được hai thứ quả suy lời nói nên biết. Cho nên nay chỗ khuyên hoặc là đáp lại hai quán trước mà nêu hai quả Phật, hoặc là một âm diễn nói hiểu khác tùy căn

tánh, nhìn quả mà tu nhân.

Hỏi: Vì sao Phật có bốn loại mà Niết-bàn chỉ có hai?

Đáp: Phật y cứ dụng trí không đồng, còn Niết-bàn chỉ y cứ đoạn đức. Như nói hai mức độ chữa giời và dỡ, mà lành bệnh chỉ một. Lại chia Niết-bàn không phải là Không được giáo không có văn đích thị.

2/ Chánh khuyên từ “Sở dĩ vì sao” trở xuống là Nhưng pháp thân có bốn: Tam tạng giáo dùng năm phần làm pháp thân. Có lúc cũng chỉ cho chân lý thiên không. Như Tạng A-hàm Thiền kinh có nói: “Nếu người có chướng nặng ngăn trở thiên thì phải nghĩ nhớ Phật pháp thân.” Pháp thân là Không. Như Phật từ Đạo-lợi giảng xuống, tứ chúng hân hoan muốn tới trước nhìn thấy Phật, chỉ ngài Thiện Cát ngồi thẳng trong hang đá thấy “không”. Đức Phật bảo Liên Hoa Sắc và Tu-bồ-đề rằng: “Thấy không là thấy pháp thân ta.”. Thông giáo chính dùng chân trí tốt cùng lý pháp tánh hợp làm pháp thân, có lúc chỉ cho lý thiên Chân không. Như Đại phẩm có nói: Các ông nên quán không, pháp Không là Phật, vì không chẳng có tới lui vậy.

Biệt giáo chính dùng Trung đạo làm pháp thân Phật. Công đức trí tuệ là báo thân, pháp báo hợp nhau liền cơ ứng thân.

Viên giáo chỉ dùng bất đoạn hiển bày chỉ pháp thân là khác.

Từ vô lượng công đức trí tuệ sinh ra. Đây chính là khuyên mẫn quả mà tu nhân. Tạng Thông thì nhân phước trí cảm quả phước trí. Phước trí trong quả tức là pháp thân, nên nói từ vô lượng công đức trí tuệ sinh ra. Biệt, Viên thì phước trí hiển bày Phật tánh, tức dùng chỗ hiển bày làm sinh, nhưng công đức trí tuệ đều là tuệ hành cho đến hành hành. Bồ-tát phát tâm vì cầu pháp thân thì từ hai pháp này mà tu hai hành, hai hành đầy đủ thì pháp thân hiển bày.

Từ giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến sinh ra thì Tam tạng giáo nói tác vô tác giới là giới thân, căn bản tịnh thiên quán luyện huân tu là định thân, quán Tứ đế sinh diệt cho đến ở đạo tràng thấy Tứ đế dứt hết gọi là tuệ thân. Chánh tập đều dứt gọi là giải thoát thân. Hiểu biết rõ ràng chánh tập đã dứt, giới, định, tuệ đầy đủ, không thọ thân sau gọi là giải thoát tri kiến thân. Theo Thông giáo thì năm phần giới như trước nói. Tội và không tội không thể được nên gọi là giới thân. Định như trước nói không loạn không mê muội gọi là định thân. Quán Tứ đế vô sinh từ Bát nhân giác kiến chân cho đến Phật địa kiến chân, viên rốt ráo thì gọi là tuệ thân. Từ bậc Sơ kiến địa, giải thoát hết các kiến hoặc mà chuyển nhập vào địa trên, cho đến khi ngồi đạo tràng nhất niệm tương ứng với tuệ, các tập khí đều hết, trụ vào Niết-bàn Hữu dư, thì gọi

là giải thoát thân. Rõ ràng không còn thấy trói buộc và giải thoát mà luôn dùng chủng trí Phật nhãn tự thấy mình trụ vào hữu dư không có tử phược, nhập vào vô dư không có quả phược, cũng thấy chúng sinh vốn không có giải thoát và trói buộc, mà thấy giải thoát gọi là giải thoát tri kiến thân. Biệt giáo dùng chín thứ giới làm giới thân, chín thứ thiền làm định thân, chín thứ trí làm tuệ thân. Đây là trích ra từ kinh Địa Trì, các tập khí ngoại giới đã hết là giải thoát thân. Chủng trí Phật nhãn thấy biết rõ ràng pháp thân hiển hiện, cũng thấy biết các pháp thân khác ẩn hiện. Kể là ngôi thứ không loạn gọi là giải thoát tri kiến thân. Viên giáo thì cùng Biệt giáo không khác, muốn phân biệt thường phàm phu chưa đoạn bỏ ấm thân mà có thể thành tựu được pháp thân tức là bất tư nghị. Về năm phần pháp thân... là Tu-di không ngại hạt cải. Muốn biết tu nhân là nghe ở hai hàng trước. Chán lìa thế gian không khởi ác tâm tự động sinh ra thiện, gọi là tu giới thân. Chuyên tu hành hạnh thiền định gọi là định thân. Chuyên tu tuệ hạnh duyên lý gọi là tuệ thân. Chánh trợ đã hợp tùy phần phục đoạn gọi là giải thoát thân. Phân biệt sáu tức mà không lạm gọi là giải thoát tri kiến thân, dùng năm thân này mà sinh thân Phật.

Từ Từ, bi, hỷ, xả sinh ra. Tạng Thông dùng pháp tu sinh vô sinh Tứ đế duyên với bốn Vô lượng tâm mà sinh ra Phật quả pháp thân đại từ bi. Biệt giáo dùng pháp tu vô lượng Tứ đế duyên với vô duyên tứ vô lượng tâm. Viên giáo dùng vô tác Tứ đế chỉ vô duyên bốn Vô lượng tâm, đều thành Phật quả, pháp thân Vô duyên đại từ bi. Nếu bậc Sơ tâm tu học lại theo tuệ hành, thì tuệ hành nhập “không” duyên với chúng sinh khiến được vui lìa khổ. Ngài Khánh Hỷ quên mất buồn thương là đó. Do tu bốn Vô lượng tâm mà có thể sinh ra pháp thân đại từ bi. Từ bố thí đến Ba-la-mật bốn giáo lục độ như trước đã nói. Nên nói bốn giáo lục độ sinh thân bốn quả Phật viên mãn. Nghĩa đã đã rõ ràng.

Nói “các” là hoặc khai sáu thành bảy, thành mười, thành một trăm hoặc thành tám vạn bốn ngàn, cho đến bất khả thuyết bất khả thuyết... Nên nói là từ các pháp Ba-la-mật sinh ra.

Muốn biết sơ tâm tu lục độ, tức hành hành làm thiện là tu năm độ, tuệ hành tức tu Bát-nhã.

Từ Phương tiện đến tam minh sinh ra bốn giáo mỗi thứ đều có ba thứ phương tiện như nói trước. Từ nhân phương tiện sinh ra quả địa pháp thân phương tiện, nên nói từ phương tiện sinh.

Từ lục thông sinh: Năm thông của Tam tạng giáo từ hành hành căn bản tịnh thiền quán luyện tu huân tu mà được. Vô lậu thông, từ sinh

diệt Tứ đế tuệ hành tu được. Trong nhân Bồ-tát thành tựu năm Thông căn cứ ở vào sinh diệt Tứ đế mà tuệ tu Vô lậu thông. Ba mươi bốn tâm đầy đủ liền đủ quả địa pháp thân lục thông, nên nói từ lục thông sinh ra. Ngũ thông, lục thông của thông giáo. Về ngũ thông xem qua thì đồng với Tam tạng giáo, tu vô lậu thông căn cứ vào vô sinh Tứ đế ở tâm của Bồ-tát thì hoặc ngũ hoặc lục thông. Nếu đoạn dứt chánh sử thì là lục thông, nếu tập chưa hết thì là ngũ thông. Nay dùng nhân lục thông mà được quả địa lục thông nên nói là Lục thông sinh ra. Về Biệt Viên, Biệt thì căn cứ ở ngoại giới ba cõi mà tu lục thông thành quả. Sơ địa từng phần được pháp thân lục thông chỉ dùng đoạn và không đoạn mà phân biệt biệt viên có khác nhau. Tam minh, thì Tạng Thông, đều căn cứ ở tam thông thấy việc ba đời rõ ràng là nhờ tam minh. Về khác nhau của thông và minh, khi thấy việc xa thì gọi là thông, còn thấy nguồn gốc thì gọi là minh. Trong nhân Bồ-tát dùng hành hành mà tu hai minh, tuệ hành tu vô lậu minh, chứng quả thì được Phật địa pháp thân tam minh, nên nói từ tam minh sinh ra.

Biệt Viên thì thấu suốt ngoại giới ba đời là do tam minh. Đoạn văn sau nói tam minh và vô minh... tức là tam minh bất tư nghị của Viên giáo.

Từ ba mươi bảy đạo phẩm sinh, từ chỉ quán sinh. Đạo phẩm của bốn giáo như trước nói. Tứ giáo mỗi giáo tu chứng quả Bồ-đề gọi là pháp thân. Đạo phẩm đều thuộc tuệ hành đương giáo. Về chỉ quán sinh, chỉ quán tức là nhân của định tuệ, duyên lý là tuệ hành, duyên sự là hành hành. Bốn giáo mỗi thứ tu nhân chỉ quán lý sự mà chứng quả định tuệ Phật pháp thân, cho nên nói từ chỉ quán sinh.

Từ Thập lực đến Bất cộng pháp sinh, ba pháp là quả của công đức cao, chỗ chiếu của nội trí gọi là lực, dụng ngoại đạo không khiếp sợ gọi là vô úy. Phật địa có mười tám pháp Không cùng với pháp hạ địa chung nhau nên gọi là Bất cộng, ba thứ này đều duyên với công đức Phật địa. Nay nói từ ba pháp này sinh ra, thì phải là trong nhân bốn giáo dùng hai hạnh này mà tu ba pháp này, nên nói từ... sinh ra. Biệt, Viên thì căn cứ vào ngoại giới nên biết.

Từ đoạn tất cả bất thiện pháp, nhóm họp tất cả thiện pháp sinh. Bồ-tát của bốn giáo, mỗi giáo dùng tuệ hành mà đoạn kiến tư hoặc, dùng hành hành mà đoạn vô tri gọi là đoạn bất thiện, tuệ hành tập họp các duyên hý thiện pháp, hành hành tập họp các duyên sự thiện tánh, cảm được bốn thứ pháp thân, các ác dứt hẳn, các lành khắp hội. Chỉ có Biệt, Viên hai giáo thì ngoại giới hoặc đoạn dứt, hoặc tập họp phân biệt

không đồng nhau.

Từ chân thật sinh, từ bất phóng dật sinh. Tạng Thông quán sinh và vô sinh vào lý thiên chân gọi là chân thật. Biệt viên thì quán vô lượng, vô tác mà vào Trung đạo Phật tánh, thì gọi là chân thật. Bồ-tát của bốn giáo quán chân cùng tốt chứng bốn quả Phật nên nói từ chân thật sinh ra. Bất phóng dật sinh, là nếu bốn Bồ-tát tuệ hành quán chân duyên với sự, liền thối lui gọi là phóng dật, nếu dùng tuệ hành mà duyên với lý, tâm tâm tiếp nối không buông bỏ đại bi, gọi là đại phóng dật. Còn bất phóng dật là tướng bạt trí, tâm tâm vắng lặng tự nhiên lưu nhập, nên nói là bất phóng dật sinh.

Từ vô lượng pháp thanh tịnh như thế sinh thân Như Lai. Đây là nói rộng về loại khuyến, chỉ ngài Tịnh Danh dùng đây mà làm đầu mối cho khuyến bảo. Có vô lượng pháp môn đều cần căn cứ theo trước mà tu tập, nên nói từ vô lượng pháp thanh tịnh như thế sinh ra, vì các công đức này đều sinh thân Như Lai. Một âm diễn nói tùy loại đều hiểu. Đây là bốn giáo đã nói các loại nhân quả hành dùng bốn Tất-đàn để ứng cơ lợi vật, khắp được vãng làm đều được lợi ích. Với người tìm học nếu hay giữ chắc hai thứ thuyết pháp đã năm lần nêu rõ trước đây để khuyến mển mộ quả mà tu nhân thì kinh này không luống công.

3/ Từ “các nhân giả”... đến “ba thứ tâm Bồ-đề” là Kết khuyến, đã biết công đức Phật thân do các thắng nhân như thế, nếu muốn mển quả mà tạo nhân thì đâu chỉ tự lợi. Đại sĩ giả bệnh giúp Phật hưng giáo chính là lợi vật. Các nhân giả nếu luôn mển quả mà tu nhân thì cũng nên giống như Phật và ngài Tịnh Danh mà đoạn trừ tất cả bệnh cho chúng sinh. Bệnh chúng sinh như trước đã nói. Phạm phu và Lục độ Bồ-tát, Nhị thừa, Thông giáo Bồ-tát... đều có bệnh về hữu vi và vô vi nhân quả. Bồ-tát của Biệt, Viên có bệnh về tự thể nhân quả. Cho nên nay bốn giáo mỗi thứ đều tùy chỗ hiểu mà nên đoạn trừ và cầu đạo vô thượng, thì kết thành ý hóa tha.

Từ “Như thị”... đến “Bồ-đề tâm” là nói thời chúng được lợi ích. Ngài Tịnh Danh tùy cơ mà ước khuyến răn hai môn, dùng bốn Tất-đàn phó bốn căn duyên nói pháp Không sai khác nên nói “Như nên thuyết pháp”. Khiến vô số người đều phát tâm, tức phát bốn thứ tâm Bồ-đề, tùy theo bốn duyên mà mỗi người đều khai phát đạo tâm, tức là khắp được tuân làm đều được lợi ích. Đây là do thần lực Bất cộng pháp, bốn giáo phát tâm Bồ-đề đầy đủ như huyền nghĩa của bốn giáo.

